



GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG



Số: 135 /GP-CVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
(Có giá trị đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2033)
Cấp lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2023

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phân loại các dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông;

Xét Đơn số 02/FRT-MVNO ngày 19 tháng 9 năm 2022 kèm theo Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông kèm theo Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông và hồ sơ bổ sung theo công văn số 149/FRT-MVNO ngày 08 tháng 12 năm 2022, công văn số 58/FRT-MVNO ngày 10 tháng 02 năm 2023 và công văn số 180/FRT-MVNO ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Tài nguyên.

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

Tên giao dịch quốc tế: FPT DIGITAL RETAIL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: FRT JSC

Địa chỉ trụ sở chính: 261-263 Khánh Hội, Phường 02, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0311609355 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 03 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 52 ngày 11 tháng 07 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (sau đây gọi là Doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

1. Loại hình dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông (quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông) trên mạng viễn thông di động mặt đất.

a) Dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất tiêu chuẩn IMT-2000 và IMT-Advanced được phép cung cấp cho thuê bao viễn thông giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông với doanh nghiệp.

b) Dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông tiêu chuẩn GSM chỉ được phép cung cấp cho thuê bao viễn thông quy định tại điểm a Khoản này khi thực hiện tính năng CS Fallback hoặc trong trường hợp mạng viễn thông di động mặt đất tiêu chuẩn IMT-2000 và IMT-Advanced không khả dụng.

2. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nêu tại khoản 1 Điều này trên phạm vi toàn quốc.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp và bán lại.

4. Hình thức thanh toán: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nêu tại khoản 1 Điều này theo hình thức thanh toán giá cước trả trước, trả sau.

5. Thuê kênh và kết nối: Doanh nghiệp được kết nối hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông quy định tại Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng và dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác, được thuê kênh của các doanh nghiệp viễn thông và có nghĩa vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối và thuê kênh.

6. Tài nguyên viễn thông: Doanh nghiệp được thuê và sử dụng kho số viễn thông theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông, được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định quản lý tài nguyên Internet.

7. Giá cước: Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý giá cước viễn thông.

8. Chất lượng dịch vụ:

a) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng viễn thông.

b) Tuân thủ các quy chuẩn chất lượng và thực hiện công bố các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Giấy phép này.

9. Triển khai giấy phép: Thực hiện đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung trong Hồ sơ đề nghị cấp phép, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tại các địa phương đã được phê duyệt và theo các nội dung trong Hồ sơ.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, Doanh nghiệp có nghĩa vụ sau:

1. Đầu tư, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động và theo các nội dung trong Hồ sơ.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện kết nối với hệ thống thu thập số liệu về viễn thông của Cục Viễn thông theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật.

9. Công bố nội dung Giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thành Phúc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4920 03 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 06-06-2023



Nguyễn Thị Thùy Nhung

PHỤ LỤC I

Cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng di động mặt đất tiêu chuẩn IMT-2000

(Đính kèm Giấy phép số 135/GP-CVT ngày 30 tháng 5 năm 2023)

Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất tiêu chuẩn IMT-2000 với chất lượng dịch vụ như sau:

1. Đối với dịch vụ thoại:

a) Đối với dịch vụ thoại cung cấp trên mạng viễn thông tiêu chuẩn GSM, tiêu chuẩn IMT-2000, doanh nghiệp tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 36:2022/BTTTT.

b) Thực hiện công bố chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 36:2022/BTTTT quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/03/2013 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04/11/2020).

2. Đối với dịch vụ truy nhập Internet:

a) Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 81:2019/BTTTT về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất.

b) Thực hiện công bố chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 81:2019/BTTTT quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/03/2013 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04/11/2020).

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp số liệu, tài liệu có liên quan cho Cục Viễn thông để phục vụ công tác đo kiểm./.

PHỤ LỤC II

Cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng di động mặt đất tiêu chuẩn IMT-Advanced

(Đính kèm Giấy phép số 135 /GP-CVT ngày 8/0 tháng 5 năm 2023)

Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất tiêu chuẩn IMT-Advanced với chất lượng dịch vụ tối thiểu bằng chất lượng dịch vụ công bố của đơn vị mà doanh nghiệp hợp tác kết nối hạ tầng mạng, cụ thể như sau:

1. Đối với dịch vụ thoại cung cấp trên mạng viễn thông tiêu chuẩn GSM, tiêu chuẩn IMT-2000, doanh nghiệp tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 36:2022/BTTTT.

2. Đối với dịch vụ thoại VoLTE, doanh nghiệp công bố chỉ tiêu chất lượng dịch vụ và phương pháp xác định.

3. Đối với dịch vụ truy nhập Internet, doanh nghiệp công bố vùng cung cấp dịch vụ, các chỉ tiêu chất lượng tương ứng bao gồm:

- a) Độ sẵn sàng của mạng vô tuyến;
- b) Tỷ lệ truy nhập thành công dịch vụ;
- c) Thời gian trễ truy nhập dịch vụ trung bình;
- d) Tỷ lệ truyền tải dữ liệu bị rơi;
- đ) Tốc độ tải dữ liệu.

(Phương pháp xác định áp dụng quy định tại quy chuẩn quốc gia số QCVN 81:2019/BTTTT về chất lượng dịch vụ Internet trên mạng di động mặt đất)

4. Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố chất lượng dịch vụ đối với nội dung tại Khoản 2, Khoản 3 Phụ lục này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và cung cấp dữ liệu, tài liệu có liên quan cho Cục Viễn thông phục vụ công tác đo kiểm.

5. Trong thời hạn có hiệu lực của giấy phép, doanh nghiệp định kỳ thực hiện báo cáo Cục Viễn thông các nội dung thực tế triển khai về chất lượng dịch vụ viễn thông và giải trình lý do thay đổi so với các số liệu công bố tại Khoản 4 Phụ lục này./.